TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 - 2024
V/v"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH– TỈNH TÂY NINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thanh Bình;

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:127/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: tổ A ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn : Anh Trần Văn T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: tổ A ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, chị H có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn cuộc sống chung lúc đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2021 hai vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến và phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không còn mang lại hạnh phúc, niềm vui cho nhau, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 5/2023 đến nay. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên nuôi dưỡng vì hiện tại cháu T1 đang sống chung cùng cha, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H xác định anh chị chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải:

Anh thống nhất thời gian chung sống kết hôn như chị H trình bày là đúng, anh không đồng ý ly hôn vì những mâu thuẫn giữa hai bên chỉ là nhỏ nhặt trong cuộc sống chị H tự ái bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Long An sống từ tháng 6/2023, chị H nộp đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị H.

Trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T;Về con chung: Giao con chung Trần Nhật T2, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Trung trực t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung; Nợ chung:Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng chung quan điểm, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, chị H xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh T có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đưa ra được giải pháp cụ thể để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc, anh T cũng thừa nhận anh và chị H đã sống ly thân, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp.

[**3**] Về con chung: Anh chị có một con chung Trần Nhật T2, sinh ngày 20/01/2010. Hiện nay con chung đang sống cùng anh T, cháu T2 có nguyện vọng được chung sống với cha, anh T, chị H cũng có ý kiến đồng ý để cháu T2 chung sống cùng anh T, do đó cần tiếp tục giao con chung cho anh Trung trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh chị không tranh chấp yêu cầu xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

[**4**] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị H, anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[**5**] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[**6**] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Văn T. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nhật T2, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Trung trực t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T, chị H không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019238 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND h. Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
-Chi cục THADS h. Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
-Các đương sự;
-Uỷ ban ND xã Ninh Điền, h Châu Thành, t. Tây Ninh
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương